TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 10 – 2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Liệt

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: ấp LAA, xã PTA, huyện TN, tỉnh ĐT.

- *Bi đơn:* Anh Lê Văn P, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa, anh Lê Văn P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn P kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 24/8/2009. Hôn nhân giữa chị N và anh P được xây dựng trên cơ sở mai mối.

Trong quá trình chung sống, anh P không quan tâm vợ con, anh P còn ghen tuông vô cớ và đánh chị N. Vợ chồng ly thân từ tháng 01/2019 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành.

Chị Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn P.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Lê Thị Ngọc N1, sinh ngày 22/02/2013 và Lê Ngọc P1, sinh ngày 18/10/2016. Hiện nay, cháu N1 và cháu P1 đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu N1 và cháu P1, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn P không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính).

- Giấy khai sinh của Lê Thị Ngọc N1 (Bản sao).

- Giấy khai sinh của Lê Ngọc P1 (Bản sao).

- Đơn xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn P cư trú tại Ấp B, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn P.

Xét thấy, trong quá trình chung sống, anh P không quan tâm vợ con, anh P còn ghen tuông vô cớ và đánh chị N. Vợ chồng ly thân từ tháng 01/2019 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn P là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Ngọc N1, sinh ngày 22/02/2013 và Lê Ngọc P1, sinh ngày 18/10/2016.

Xét thấy, hiện nay chị N đang trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu N1 và cháu P1. Chị N xác định, chị N có công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu N1 và cháu P1. Nhằm tránh việc thay đổi môi trường sống, cũng như để đảm bảo cho cháu N1 và cháu P1 phát triển toàn diện cả về vật chất và tinh thần. Cho nên, giao Lê Thị Ngọc N1, sinh ngày 22/02/2013 và Lê Ngọc P1, sinh ngày 18/10/2016 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định về tài sản chung và nợ chung là không có. Mặt khác, anh P không có Văn bản ghi ý kiến yêu cầu Tòa án xem xét về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lê Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc N1, sinh ngày 22/02/2013 và Lê Ngọc P1, sinh ngày 18/10/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N1 và cháu P1 thành niên và có khả năng lao động, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu.

Chị N và anh P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2017/0009448 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị N đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên